



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: Petro Vietnam Power Services JSC.;
- Tên viết tắt: PV Power Services;
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 08 ngày 20/10/2015 (chuyển đổi từ số 0103021005 cấp lần đầu ngày 27/11/2007);
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**;
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà HHH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3 7878186 Fax: (84-4) 3 7878185
- Website: [www.pvpps.vn](http://www.pvpps.vn)
- Mã cổ phiếu: **PPS**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 2.1. Thành lập

Trước những yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này. Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005 với số vốn Điều lệ là: **150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**. Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 8 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ giao dịch, đại diện pháp luật Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 được cấp Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2015 với Mã số doanh nghiệp 0102560459.

## 2.2. *Niên yết*

- Ngày 28/12/2010, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCophan-VSD chính thức chấp thuận hoạt động Lưu ký chứng khoán niên yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;
- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam chính thức chào sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

## 3. **Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động**

### 3.1. *Ngành nghề kinh doanh*

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyển công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...



### 3.2. Địa bàn hoạt động

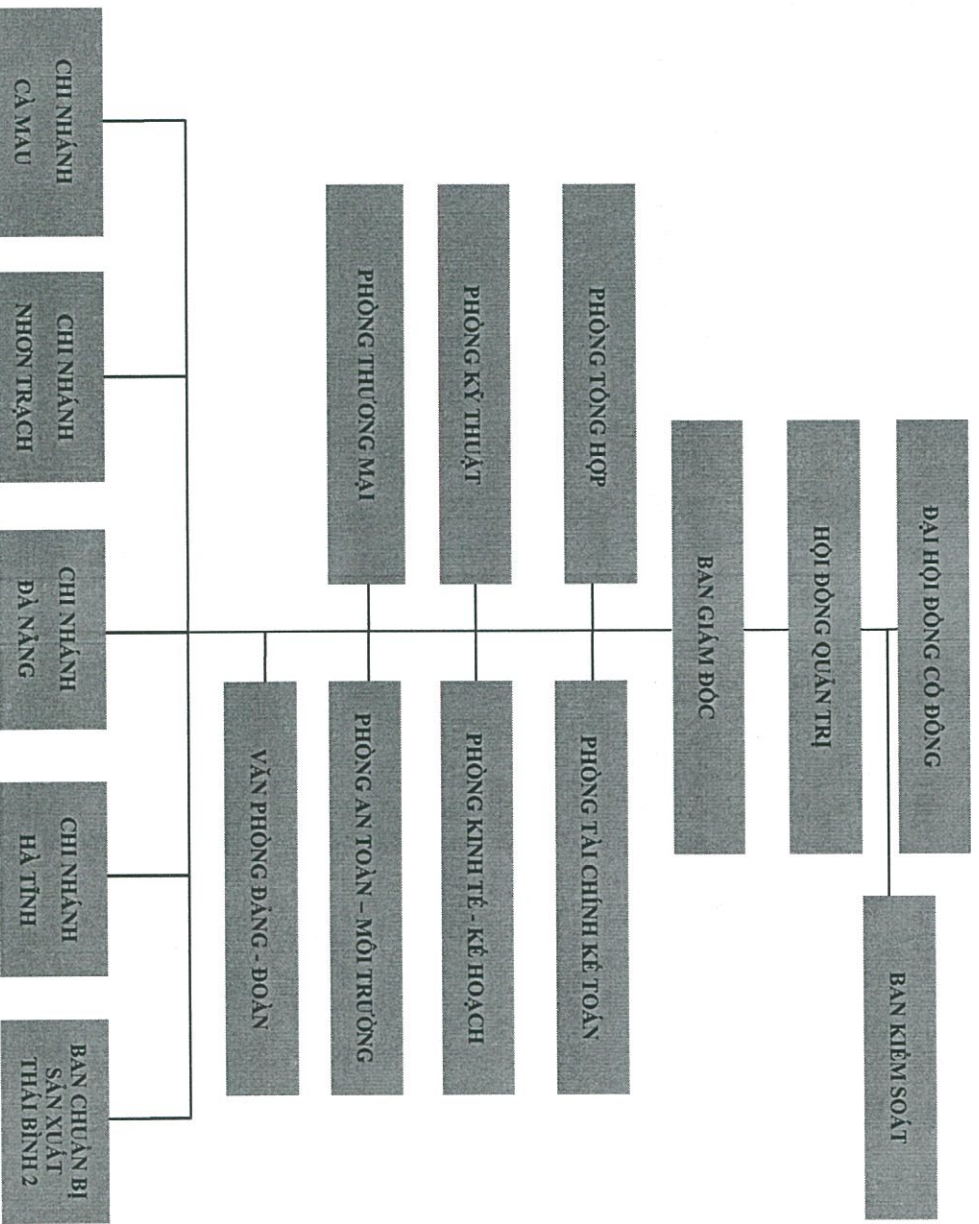
Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 28/8/2008, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam (PV Power Services) đã thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.

Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 22/4/2016, Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 của PV Power Services được thành lập.

### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý





#### **4.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (DHDCCD) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **4.2. Hội đồng Quản trị**

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do DHDCCD bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của DHDCCD. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết DHDCCD quy định.

#### **4.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.

#### **4.4. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc Công ty.

#### **4.5. Khối phòng ban chức năng**

##### **4.5.1. Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; thiết bị cơ điện; các hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

##### **4.5.2. Phòng Tổng hợp**

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ;





Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; công tác đối ngoại của Công ty.

#### 4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;
- Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.

- Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

#### 4.5.4. Phòng Kỹ Thuật

Tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý Kỹ thuật của Công ty;
- Công tác sáng kiến cải tiến Kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất;
- Áp dụng khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn hoá, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý chất lượng vào quản lý, sản xuất;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn Kỹ thuật.

#### 4.5.5. Phòng Thương mại

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty về các công tác sau:

- Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ Kỹ thuật cho các khách hàng trong và ngoài ngành Dầu khí, trong nước và nước ngoài; Phối hợp với các phòng/đơn vị trong Công ty mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối;
- Tổ chức triển khai thực hiện mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ, tài sản, phương tiện, BHLĐ,.. phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



- Tham gia công tác xuất nhập khẩu vật tư phục vụ các nhà máy điện.

#### 4.5.6. Phòng An toàn – Môi trường

Là phòng chức năng, giúp việc Ban Giám đốc trên các lĩnh vực sau:

- Công tác An toàn vệ sinh lao động, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ và Tìm kiếm cứu nạn;
- Công tác bảo vệ môi trường;
- Các công tác khác....

#### 4.5.7. Văn phòng Đảng – Đoàn

Văn phòng Đảng Đoàn là cơ quan thuộc hệ thống các ban đảng, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty và Công đoàn Công ty PV Power Services; Tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, Công đoàn; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy, Công đoàn Công ty.

### 4.6. *Khối chi nhánh*

#### 4.6.1. Chi nhánh Nhơn Trạch

##### a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan

##### b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời than gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi,





phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại Khu vực Đồng Nai và Khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty;

- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

#### 4.6.2. Chi nhánh Cà Mau

##### a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

##### b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;

- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;

- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;

- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;

- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty;

- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật



chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

#### 4.6.3. Chi nhánh Đà Nẵng

- Tư vấn, giám sát, đào tạo; lắp đặt thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành các nhà máy điện, trạm biến áp, các dây chuyên công nghiệp và tự động hóa;
- Bảo dưỡng và thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp và tự động hóa liên quan trong và ngoài ngành Điện.

#### 4.6.4. Chi nhánh Hà Tĩnh

- a. Chức năng: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan

##### b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Hà Tĩnh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Hà Tĩnh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty;
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;



- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

## **5. Định hướng phát triển**

### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Xây dựng PV Power Services phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn, linh hoạt, năng động, chủ động áp dụng các giải pháp công nghệ mới, hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong nước và ngoài nước, các nhà sản xuất gốc (OEM) tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến.
- Coi con người là yếu tố then chốt, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân trình độ cao, tác phong chuyên nghiệp.
- Phát triển PV Power Services trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng PV Power Services thành một đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp;
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về quản lý, kỹ thuật, đầu tư khoa học, công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện đã và sẽ đi vào vận hành trong và ngoài PV Power. Chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực sửa chữa cho các nhà máy nhiệt điện mới đưa vào vận hành;
- Mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Đảm bảo tài chính bền vững và bảo toàn nguồn vốn;
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

### **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
  - + Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV là con thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách nhân ngày 27/7;



- + Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo, Tham các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện;
- + Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
- + Tham gia các chương trình xây nhà tình nghĩa, xây dựng trường học tại vùng sâu vùng xa.
- Công ty tham gia các sự kiện về môi trường như:
  - + Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;
  - + Công ty trang bị điện thoại nội bộ, hợp nội bộ qua truyền hình trực tuyến để giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng;
  - + Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

## 6. **Rủi ro**

- Giá trị hàng vật tư nhập khẩu nước ngoài có giá trị rất lớn trong tổng giá thành dịch vụ, do đó PV Power Services luôn có nhu cầu giao dịch bằng ngoại tệ. Vì vậy, những thay đổi về chính sách quản lý tiền tệ, ngoại hối ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Yêu cầu về nhân lực có chất lượng cao ngày cấp thiết, trong khi chính sách và qui định của Nhà nước về việc chi trả công cho các chuyên viên/Kỹ sư cấp cao không đáp ứng được dẫn đến khó thu hút được nhân tài theo yêu cầu;
- Kế hoạch phát điện của các Nhà máy điện theo dự kiến của Tổng Công ty không đúng như tiến độ đã đề ra.

## II. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### 1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)**

| TT         | Chi tiêu                  | Đơn vị | Kết quả hoạt động |                 |             |
|------------|---------------------------|--------|-------------------|-----------------|-------------|
|            |                           |        | Năm 2015          | Năm 2016        | % tăng/giảm |
|            |                           |        |                   |                 |             |
| <b>I</b>   | <b>Doanh thu thuần</b>    |        | <b>1,279.45</b>   | <b>1,257.39</b> | <b>98%</b>  |
| 1          | Do Nhà thầu OEM thực hiện | tỷ đ   | 942.66            | 891.43          | 95%         |
| 2          | Do PVPS tự thực hiện      | tỷ đ   | 336.80            | 365.96          | 109%        |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí sản xuất</b>   |        | <b>1,246.53</b>   | <b>1,225.38</b> | <b>98%</b>  |
| 1          | Giá vốn hàng bán          | tỷ đ   | 1,198.57          | 1,171.67        | 98%         |
| 2          | Chi phí quản lý DN        | tỷ đ   | 47.92             | 53.24           | 111%        |
| 3          | Chi phí bán hàng          | tỷ đ   | 0.02              | 0.00            | 10%         |
| 4          | Chi phí khác              | tỷ đ   | 0.01              | 0.46            | 3262%       |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận</b>          |        |                   |                 |             |
| 1          | Lợi nhuận gộp             | tỷ đ   | 80.88             | 85.72           | 106%        |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế TNDN | tỷ đ   | 31.95             | 32.21           | 101%        |
| 3          | Lợi nhuận sau thuế        | tỷ đ   | 24.86             | 25.71           | 103%        |
| 4          | Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | đ      | 1,491.48          | 1,542.80        | 103%        |



Qua số liệu tại Biểu 1 cho thấy: Tổng doanh thu thực hiện 2016 giảm 2% nhưng lợi nhuận sau thuế 2016 tăng 3% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu từ Nhà thầu phụ (OEM) thực hiện 891,43/888,04 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch nhưng giảm 5% so với 2015 do Doanh thu thực hiện 2016 đã giảm từ phần giá trị thực hiện của Nhà thầu OEM của Hợp đồng Nhon Trạch 2 do các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi Hợp đồng từ PV Power Services ký với Siemens sang PV Power Nhon Trạch 2 ký với Siemens. Doanh thu Hợp đồng Cà Mau 1&2 hiện vẫn đang ghi nhận theo hợp đồng đã ký.

- Doanh thu trực tiếp PV Power Services: thực hiện 365,96/371,45 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch, cụ thể:

+ Doanh thu từ các Hợp đồng bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện giảm trên 40 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch gồm: Doanh thu từ Hợp đồng Cà Mau giảm 3,37 tỷ đồng (do kế hoạch doanh thu đầu năm PV Power Services xây dựng trên cơ sở chi phí của PV Power Cà Mau), tương tự như vậy Hợp đồng Nhon Trạch 2 giảm 2,96 tỷ đồng; Hợp đồng Nhon Trạch 1 giảm 10,87 tỷ đồng (do xây dựng kế hoạch doanh thu trên cơ sở Hợp đồng đã ký nhưng thực tế thanh toán theo giá trị hợp đồng năm gốc nhân với tỉ lệ trượt giá là 2,5%); Hợp đồng Vũng Áng 1 giảm 22,83 tỷ đồng (do kế hoạch doanh thu xây dựng theo Hợp đồng năm 2015, tuy nhiên, giá trị Phụ lục Hợp đồng ký năm 2016 thấp hơn kế hoạch đã xây dựng);

+ Doanh thu thực thanh thực chi: thực hiện 5,08/33,07 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch, giảm 27,98 tỷ đồng. Doanh thu này bao gồm giá trị thuế, phí thông quan và vận chuyển của hàng nhập khẩu theo các hợp đồng bảo trì. Theo kế hoạch, doanh thu này được ước tính theo doanh thu Nhà thầu phụ với tỷ lệ thuế nhập khẩu có định (16%). Thực tế, vật tư nhập khẩu có thuế suất thuế nhập khẩu không đến 16% đối với một số mặt hàng (như là vật tư tăng cánh có giá trị lớn) và vật tư đang tạm thời dùng nhập khẩu do vướng mắc trong quy định hoàn thuế và các bên đang thực hiện chuyển đổi Hợp đồng LTM C Cà Mau 1&2;

+ Doanh thu thực hiện các dịch vụ khác: thực hiện 124,78/62,29 tỷ đồng, đạt 200% kế hoạch, tăng 62,51 tỷ đồng. Do doanh thu ghi nhận thực tế năm 2015 thấp hơn dự kiến tại thời điểm lập kế hoạch năm 2016, nên phần doanh thu này ghi nhận vào năm 2016 làm tăng doanh thu năm 2016.



## 2. Tổ chức nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành PV Power Services

| TT         | Họ và tên                | Chức vụ   |
|------------|--------------------------|---|
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b> |   |
| 1          | Ông Phan Ngọc Hiền       | Chủ tịch HĐQT   |
| 2          | Ông Nguyễn Minh Tuấn     | Thành viên HĐQT – Giám đốc                              |
| 3          | Bà Cao Thị Liên          | Thành viên HĐQT chuyên trách                            |
| 4          | Ông Phan Đại Thành       | Thành viên HĐQT<br>(Thôi giữ chức vụ từ ngày 15/4/2016) |
| 5          | Ông Phan Thế Hồng        | Thành viên Hội đồng quản trị                            |
| 6          | Ông Ngô Kim Sơn          | Thành viên HĐQT độc lập                                 |
| <b>II</b>  | <b>Ban Giám đốc</b>      |   |
| 1          | Ông Nguyễn Minh Tuấn     | Giám đốc  |
| 2          | Ông Bùi Duy Nhi          | Phó Giám đốc  |
| 3          | Ông Võ Khánh             | Phó Giám đốc (Thôi giữ chức vụ từ 06/6/2016)            |
| 4          | Ông Mã Ngọc Kỳ           | Phó Giám đốc  |
| 5          | Ông Vũ Quang Dũng        | Phó Giám đốc  |
| 6          | Ông Đinh Quang Hưng      | Phó Giám đốc  |
| <b>III</b> | <b>Kế toán trưởng</b>    |   |
| 1          | Ông Lê Đình Thái         | Kế toán trưởng  |

### 2.2. Tóm tắt lý lịch

#### 2.2.1. Ông Phan Ngọc Hiền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Sinh ngày: 25/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Kiểm soát
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác   | Chức vụ  |
|-------------------|---|--|
| 1999 - 2007       | Báo lao động  | Kỹ thuật viên – Trưởng phòng Chế bản                 |
| 6/2007 - 1/2008   | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                      | Phó Trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng Phòng Hành Chính |
| 01/2008-07/9/2015 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                      | Chánh văn phòng                                      |
| 07/9/2015 – nay   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                           |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện PV Power : 2.250.000 cổ phiếu ~ 15% Vốn Điều lệ
  - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2.2.2. Bà Cao Thị Liên – Thành viên HĐQT chuyên trách**

- Ngày sinh : 26/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện
- Quá trình công tác:





| Thời gian       | Đơn vị công tác   | Chức vụ                                   |
|-----------------|---|---|
| 3/1987–3/1998   | Công ty Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Việt Nam    | Chủ nhiệm đề án Thiết kế điện             |
| 3/1998–11/2004  | Trung tâm Viễn thông và CNTT - Công ty Điện lực Hà Nội      | Phó Giám đốc                              |
| 1/2006 – 8/2007 | Công ty Điện lực Hà Nội                                     | Trưởng phòng Viễn thông và CNTT           |
| 9/2007 – 1/2008 | Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng          |
| 1/2008 – 5/2009 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)           | Trưởng Ban Kế hoạch                       |
| 5/2009 – 9/2015 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                |
| 9/2015 đến nay  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
  - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.2.3. Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà Nội cấp 27/7/2010



- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác                                      | Chức vụ  |
|------------------|--|--|
| 1996 – 1997      | Văn phòng đại diện Fujitsu tại Hà Nội – Việt Nam     | Nhân viên phòng kỹ thuật                       |
| 1998 – 2002      | Công ty TNHH Việt Á                                  | Trưởng phòng Dự án                             |
| 4/2002 – 7/2007  | Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam           | Nhân viên Ban Năng lượng                       |
| 10/2007 – 8/2011 | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN | Phó Tổng Giám đốc                              |
| 8/2011 – 10/2015 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)    | Trưởng Ban Kỹ Thuật                            |
| 10/2015 - nay    | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN | Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
  - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2.2.4. Ông Phan Đại Thành – Thành viên HĐQT (Đã thôi giữ chức vụ ngày 15/4/2016)**

- Ngày sinh : 01/6/1970
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tĩnh





- Địa chỉ thường trú: Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác   | Chức vụ                      |
|-------------------|---|------------------------------|
| 1993 – 1996       | Công ty Thép Việt Úc  | Kỹ sư giám sát điện          |
| 1997 – 2003       | Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)                           | Phó phòng Kế hoạch<br>Đầu tư |
| 2003 – 2005       | Cty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật<br>(COMA 15)                  | Giám đốc                     |
| 2006 – 2007       | Cty Cổ PHẦN Xây dựng và Lắp máy điện<br>nước số 3 (COMA 3)    | Giám đốc                     |
| 2007 –<br>10/2015 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực<br>Dầu khí Việt Nam | Giám đốc                     |
| 10/2015 –<br>nay  | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                        | Trưởng ban Kỹ thuật          |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Kỹ thuật PV - Power
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phiếu ~ 0,03% Vốn Điều lệ
  - + Sở hữu đại diện PV Power đến 15/4/2016: 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn

#### Điều lệ

- + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

#### 2.2.5. Ông Phan Thế Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị từ 15/4/2016

- Sinh ngày: 10/9/1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Nguyên quán: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Quá trình công tác:

| <b>Thời gian</b>     | <b>Đơn vị công tác</b>  | <b>Chức vụ</b>                    |
|----------------------|---|-----------------------------------|
| 6/1983 -<br>02/1992  | Công ty Xây lắp điện Bắc Thái   | Cán bộ kỹ thuật                   |
| 01/1993 -<br>3/1994  | Công ty Xây lắp điện Bắc Thái   | Trưởng Phòng Kế hoạch             |
| 04/1994 -<br>08/1996 | Công ty Xây lắp điện Bắc Thái   | Trưởng Phòng Vật tư –<br>vận tải  |
| 09/1996 -<br>07/1997 | Sở Công nghiệp Thái Nguyên  | Chuyên viên Quản lý<br>điện năng  |
| 08/1997 -<br>10/2002 | Sở Công nghiệp Thái Nguyên  | Phó Phòng quản lý điện<br>năng    |
| 11/2002 -<br>06/2007 | Sở Công nghiệp Thái Nguyên  | Trưởng Phòng Quản lý<br>điện năng |
| 07/2007 -<br>12/2007 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Phó Trưởng Ban KTKH               |
| 01/2008 -<br>11/2008 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Trưởng Ban Kỹ thuật               |
| 11/2008 -<br>6/2009  | Ban chuẩn bị đầu tư Dự án Nhiệt điện Thái<br>Bình 2, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt<br>Nam  | Trưởng Ban                        |
| 06/2009 -<br>04/2011 | Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái<br>Bình 2, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt<br>Nam    | Trưởng Ban                        |
| 08/2011 -<br>11/2014 | Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí<br>Vũng Áng 1, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí<br>Việt Nam | Phó Trưởng Ban                    |
| 11/2014 -<br>12/2015 | Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Tổng<br>Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                     | Giám đốc                          |



|                     |  |                              |
|---------------------|--|------------------------------|
| 12/2015 –<br>4/2016 | Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam                     | Phó Chánh văn phòng          |
| 4/2016 đến nay      | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Thành viên Hội đồng Quản trị |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 9.337 cổ phiếu ~ 0,06% Vốn Điều lệ
  - + Sở hữu đại diện PV Power từ 15/4/2016 : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn

#### Điều lệ

- + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : 0 cổ phiếu

#### 2.2.6. Ông Ngô Kim Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Ngày sinh : 23/3/1985
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Cầu Tiên, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND : 012512486 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/5/2013
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Tự động hóa
- Quá trình công tác:

| Thời gian   | Đơn vị công tác                                     | Chức vụ                      |
|-------------|---|------------------------------|
| 2008 - 2013 | Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long | Chuyên viên Phòng Kinh doanh |
| 2014 – nay  | Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long | Trưởng Phòng Kinh doanh      |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long;

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
  - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
  - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.2.7. Ông Bùi Duy Nhị – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 210, nhà A1, Thành Công, Ba Đình, Hà nội
- Số CMND : 012669156 do Công an Hà Nội cấp 07/3/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian      | Đơn vị công tác   | Chức vụ                                      |
|----------------|---|--|
| 12/1988-9/1991 | Xí nghiệp Xăng dầu Nghệ Tĩnh – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam | Chuyên viên lao động – tiền lương            |
| 10/1991-7/1995 | Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh;                                   | Phó trưởng phòng                             |
|                |   | TCCB-LD/TL                                   |
| 8/1995-8/1999  | Công ty Vận tải xăng dầu Petrolimex Nghệ Tĩnh                 | Trưởng phòng Tổ chức hành chính              |
| 9/1999-11/2001 | Chi nhánh XNK Petrolimex Hà Nội                               | Trưởng phòng Tổ chức hành chính              |
| 12/2001-9/2002 | Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam    | Chuyên viên Tổ chức Lao động tiền lương      |
| 10/2002-6/2007 | Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam    | Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động tiền lương |



|                |  |  |
|----------------|--|--|
| 6/2007-12/2007 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                     | Phó phòng Tổ chức nhân sự - Ban Tổng hợp |
| 1/2008-8/2011  | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                     | Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự           |
| 1/9/2011 – nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Giám đốc                             |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

**2.2.8. Ông Võ Khánh – Phó Giám đốc (Thời giữ chức vụ từ 06/6/2016)**

- Ngày sinh : 01/01/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thôn Phú Mỹ, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 162A, Nguyễn Tuấn, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND : 200411631 do Công an Đà Nẵng cấp 24/4/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác   | Chức vụ                             |
|------------------|---|-------------------------------------|
| 11/1988 – 6/2002 | Trung tâm thí nghiệm điện – Điện lực 3 - EVN.           | Quản đốc phân xưởng Rơ le – Tự động |
| 6/2002 – 3/2007  | Trung tâm thí nghiệm điện - Công ty Cổ phần Sông Đà 11. | Giám đốc trung tâm Thí nghiệm điện  |
| 3/2007 - 6/2008  | Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà                   | Tổng Giám đốc                       |
| 7/2008- 4/2011   | Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà                   | Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc       |



|             |  |                      |
|-------------|--|----------------------|
| 5/2011-2012 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà                      | Tổng Giám đốc        |
| 2012-6/2013 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Trợ lý Giám đốc      |
| 7/2013-nay  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Giám đốc Công ty |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

#### 2.2.9. Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

| Thời gian    | Đơn vị công tác  | Chức vụ             |
|--------------|--|---------------------|
| 1996 – 2002  | Phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ                          | Kỹ sư               |
| 2002 – 2007  | Công ty Điện lực Phú Mỹ BOT                                | Kỹ sư phòng Bảo trì |
| 2008 đến nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Giám đốc        |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

## 2.2.10. Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà Nội
- Số CMND : 011917386 do Công an Tp. Hà Nội cấp 16/02/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT
- Quá trình công tác:

| Thời gian       | Đơn vị công tác  | Chức vụ            |
|-----------------|--|--------------------|
| 2001-10/2008    | Công ty Intergraph   | Trưởng phòng dự án |
| 10/2008-10/2010 | GP Link JSC  | Giám đốc           |
| 2010-8/2011     | PVC&I  | Tổng Giám đốc      |
| 8/2011-nay      | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Giám đốc       |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

## 2.2.11. Ông Đinh Quang Hưng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 15/7/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ninh

- Địa chỉ thường trú : Cầu Giấy – Hà Nội
- Số CMND : 022077000032 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 15/7/2014
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Đơn vị công tác                                       | Chức vụ                   |
|---------------|---|---------------------------|
| 1999-2000     | Công ty CP Quốc tế Hoàng Gia                          | Nhân viên                 |
| 2000-2008     | Tổng cục I – Bộ Công an                               | Cán bộ Công an            |
| 2008-2012     | Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Trưởng phòng Tổng hợp |
| 2012-11/2015  | Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Trưởng phòng TMXXNK       |
| 5/11/2015-nay | Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Phó Giám đốc              |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

#### 2.2.12. Ông Lê Đình Thái – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 15/11/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thạch Long – Thạch Hà – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: P 2036, tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Số CMND : 013571798 do Công an Hà Nội cấp ngày 31/8/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Đơn vị công tác  | Chức vụ                             |
|------------------|--|-------------------------------------|
| 11/2003 - 5/2007 | Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908                 | Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán |
| 6/2007 – 4/2008  | Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908                 | Phó trưởng Ban Tài chính – Kế toán  |
| 5/2008 – 2/2012  | Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 908 – Công ty CP Sông Đà 9 | Kế toán trưởng                      |
| 3/2012 – 3/2015  | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                       | Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán |
| 4/2015 đến nay   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN         | Kế toán trưởng                      |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
  - + Người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

### 2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành

| TT | Chức danh       | Cũ             | Mới           | Thời điểm |
|----|-----------------|----------------|---------------|-----------|
| 1  | Thành viên HĐQT | Phan Đại Thành |               | 15/4/2016 |
| 2  | Thành viên HĐQT |                | Phan Thế Hồng | 15/4/2016 |
| 3  | Phó Giám đốc    | Võ Khánh       |               | 06/6/2016 |

### 3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Trong thời gian qua, đội ngũ CBCNV Công ty không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số cán bộ công nhân viên là 606 người. Trong tổng số 606 CBCNV có:

- + Tiến sỹ: 0 người
- + Công nhân Kỹ thuật, lái xe: 104 người
- + Thạc sỹ: 18 người
- + Lao động phổ thông: 0 người
- + Đại học: 293 người
- + Cán bộ nữ: 70 người
- + Cao đẳng: 79 người
- + Tuổi trung bình cán bộ: 33
- + Trung cấp: 112 người
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Đảm bảo cho 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động, trong đó:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 226 người, chiếm 37,29%;
  - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 5 năm: 376 người, chiếm 62,05%;
  - + Hợp đồng thử việc: 04 người, chiếm 0,66%.

- Công tác tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đặc biệt PVPS đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao”, giải quyết tốt chế độ chính sách kịp thời cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV và người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước của ngành và Công ty.

- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2016 là: 19,5 triệu đồng/người/tháng.

#### 4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. *Các khoản đầu tư lớn:* Không có

4.2. *Các Công ty con, Công ty liên kết*

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PAIC;



- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội;
- Giấy đăng ký KID số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đ.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
  - + Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
  - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
  - + Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
  - + Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
  - + Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo, lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử;
  - + Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
  - + Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
  - + Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thẩm tra tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu, các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
  - + Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ
- Tình hình tài chính:



| Chi tiêu                    | Đơn vị tính | Thực hiện 2015 | Thực hiện 2016 | % so với năm trước |
|-----------------------------|-------------|----------------|----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản        | đ           | 60,084,169,180 | 56,946,317,820 | 94.78%             |
| Doanh thu thuần             | đ           | 72,764,457,177 | 80,142,530,846 | 110.14%            |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | đ           | 2,857,342,694  | 4,219,864,236  | 147.68%            |
| Lợi nhuận trước thuế        | đ           | 2,675,435,333  | 4,516,997,186  | 168.83%            |
| Lợi nhuận sau thuế          | đ           | 2,675,435,333  | 3,580,597,749  | 133.83%            |

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo tài chính Quý 4/2016 của PAIC trước kiểm toán)

## 5. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

(Biểu 2)

| Chi tiêu                    | ĐVT | Thực hiện 2015    | Thực hiện 2016    | % so với năm trước |
|-----------------------------|-----|-------------------|-------------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản        | đ   | 3,443,493,267,050 | 3,443,493,267,050 | 100.00%            |
| Doanh thu thuần             | đ   | 1,279,450,306,053 | 1,257,391,257,087 | 98.28%             |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | đ   | 31,552,432,179    | 32,451,820,754    | 102.85%            |
| Lợi nhuận trước thuế        | đ   | 31,949,224,421    | 32,214,887,219    | 100.83%            |
| Lợi nhuận sau thuế          | đ   | 24,857,968,364    | 25,713,269,483    | 103.44%            |
| Tỷ lệ trả cổ tức            | %   | 15.50%            | 12.00%            | 77.42%             |

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2016 chi mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2016.

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 3)

| TT | Các chỉ tiêu                   | Năm 2015 | Năm 2016 |
|----|--------------------------------|----------|----------|
| 1  | <b>Khả năng thanh toán</b>     |          |          |
|    | - Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn | 1,04     | 1,04     |
|    | - Hệ số thanh toán bằng tiền   | 0,26     | 0,18     |
| 2  | <b>Cơ cấu vốn</b>              |          |          |
|    | - Hệ số Nợ/Tổng tài sản        | 0,96     | 0,94     |
|    | - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu      | 17,33    | 15,09    |



|          |   |       |       |
|----------|---|-------|-------|
|          | - Hệ số bảo toàn vốn                          | 1,07  | 1,00  |
| <b>3</b> | <b>Năng lực hoạt động</b>                     |       |       |
|          | - Vòng quay nợ phải thu                       | 0,36  | 0,70  |
|          | - Vòng quay hàng tồn kho                      | 0,44  | 0,47  |
|          | - Doanh thu thuần/Tổng tài sản                | 0,37  | 0,38  |
| <b>4</b> | <b>Khả năng sinh lợi</b>                      |       |       |
|          | - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | 1,94% | 2,04% |
|          | - Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 13,3% | 13,3% |
|          | - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | 0,7%  | 0,8%  |

#### 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 11.407.100 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.633.800 Cổ phần.

##### b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: 3 cổ đông, nắm giữ 11.407.100 cổ phần tương đương 76% tổng số cổ phần:
  - + Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
  - + Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 2 cổ đông, nắm giữ 3.757.100 cổ phần, tương đương 25% tổng số cổ phần.
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.592.900 cổ phần, tương đương 24% tổng số cổ phần.
- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- e. Các chứng khoán khác: không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

##### a. Các chỉ tiêu chủ yếu

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

| TT         | Chi tiêu   | Kế hoạch 2016   | Thực hiện 2016  | Đạt (%)        |
|------------|--|-----------------|-----------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>                                | <b>1.260,79</b> | <b>1.259,29</b> | <b>99,88%</b>  |
| 1          | Doanh thu trực tiếp                                  | 372,75          | 367,63          | 98,62%         |
| 1.1        | Doanh thu từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng         | 276,09          | 236,08          | 85,51%         |
| 1.2        | Doanh thu thực thanh thực chi                        | 33,07           | 5,08            | 15,36%         |
| 1.3        | Doanh thu từ các dịch vụ ngoài                       | 62,29           | 124,80          | 200,00%        |
| 1.4        | Doanh thu tài chính                                  | 1,29            | 1,67            | 129%           |
| 2          | Doanh thu từ nhà thầu phụ                            | 888,04          | 891,43          | 100,35%        |
| 3          | Doanh thu khác                                       |                 | 0,23            |                |
| <b>II</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                                  | <b>1.229,29</b> | <b>1.227,07</b> | <b>99,81%</b>  |
| 1          | Chi phí trực tiếp từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng | 191,22          | 160,01          | 83,68%         |
| 2          | Chi phí trực tiếp từ các dịch vụ ngoài               | 57,9            | 115,68          | 199,79%        |
| 3          | Chi phí nhà thầu phụ                                 | 888,04          | 891,35          | 100,35%        |
| 4          | Chi phí thực thanh thực chi                          | 33,07           | 5,09            | 15,39%         |
| 5          | Chi phí quản lý                                      | 56,89           | 53,24           | 93,58%         |
| 6          | Chi phí tài chính                                    | 2,16            | 1,70            | 78,70%         |
| 7          | Chi phí khác   |                 | 0,46            |                |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                          | <b>31,50</b>    | <b>32,22</b>    | <b>102,29%</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                            | <b>24,57</b>    | <b>25,71</b>    | <b>104,63%</b> |

- Như đã báo cáo và phân tích tại *Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3* và *Biểu 4*, Ban Giám đốc đánh giá PV Power Services đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty được xác định như sau:

+ Duy trì công tác bảo trì, sửa chữa các Nhà máy điện Khí Cà Mau 1&2, Nhơn

Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 được ổn định, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng kỹ thuật.

Thực hiện chuyển giao thành công chủ thể Hợp đồng giữa Nhà thầu OEM với Chủ đầu



tư tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, giám sát áp lực về tài chính trong thanh toán và các chi phí liên quan đến quản lý Nhà thầu;

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên và tiểu tu nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, khẳng định năng lực chuyên môn toàn diện trong công tác bảo trì, sửa chữa các Nhà máy nhiệt điện khí và than. Bước đầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề chuyên sâu về công tác bảo dưỡng, sửa chữa các Nhà máy điện than sẵn sàng tiếp cận và đảm nhận các Dự án điện than trong và ngoài ngành Dầu khí đang được triển khai trong thời gian sắp tới;

+ Lợi nhuận mang lại từ các hoạt động dịch vụ ngoài chiếm tỷ trọng không nhỏ trong kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Điều đó cho thấy việc mở rộng thị trường, khai thác các dịch vụ ngoài mục tiêu kinh doanh truyền thống của Công ty là chủ trương đúng đắn, tạo thế chủ động sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, kích thích sự tăng trưởng trong tương lai;

+ Năm 2016, PV Power Services đã tắt toán mọi khoản vay Ngân hàng và đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho thấy sự linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn lực tài chính, đáp ứng được nhu cầu vốn trong sản xuất kinh doanh, trong đó việc sử dụng nguồn tài chính huy động từ hệ thống ngân hàng, định chế tài chính được coi là công cụ đòn bẩy hữu hiệu.

#### ***b. Những tiến bộ đã đạt được***

- Từ năm 2014, Công ty đã chuẩn bị các công việc cho thành lập Chi nhánh Hà Tĩnh để đảm nhiệm việc bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1. Đến nay, Công ty đã chính thức được giao thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Vũng Áng 1;

- Ký hợp đồng và thực hiện thành công công tác tiểu tu Nhà máy điện Vũng Áng 1, khẳng định thương hiệu PV Power Services trong công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy nhiệt điện cả khí và than;

- Ban hành Quy chế quản lý và khai thác các dịch vụ ngoài làm cơ sở pháp lý triển khai mở rộng thị trường dịch vụ kỹ thuật, tiếp cận các lĩnh vực kinh doanh ngoài mục tiêu kinh doanh truyền thống của Công ty, đồng thời tạo cơ chế linh hoạt để huy động và sử dụng mọi nguồn lực của Công ty đem lại hiệu quả thiết thực;

#### ***c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý***



- Sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản trị nội bộ, Hệ thống tiêu chuẩn chức danh và định biên lao động tại các phòng ban, đơn vị sản xuất ... hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và điều hành Công ty;
- Chuyển đổi và hợp nhất thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe và Môi trường ISO 14001:2004 nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp giữa hệ thống quản lý và hệ thống sản xuất trực tiếp;
- Thành lập Ban chuẩn bị sản xuất tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, sẵn sàng tiếp nhận và triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa khí Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đi vào vận hành.

## 2. Tình hình tài chính

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem *Biểu 3*)
- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2016: **193.466.224.531 đ**
- Số lượng cổ phần hiện hữu: 15.000.000 Cổ phần
- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2016: **12.898 đ/Cổ phần**
- Tình đến thời điểm hiện tại, PV Power Services không phát sinh nợ xấu

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xúc tiến mạnh mẽ, tìm kiếm cơ hội tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Tiếp tục thực hiện công tác bảo dưỡng các nhà máy điện khí của PV Power. Đàm phán với các Nhà thầu phụ OEM nhằm gia tăng tỉ lệ nội địa hóa;
- Đào tạo đội ngũ Kỹ thuật chuyên sâu cho đội ngũ Kỹ sư, công nhân lành nghề để dần dần đảm nhận được phạm vi công việc của Nhà thầu phụ OEM;
- Chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực sửa chữa cho các nhà máy điện than mới đi vào vận hành;
- Xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên gia kỹ thuật cao, sẵn sàng và chủ động;
- Thực hiện công tác thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện cho các nhà máy trong và ngoài PV Power;
- Tiếp tục đàm phán công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện trong toàn Tập đoàn Dầu khí;
- Hợp tác với các nhà thầu phụ để cử người tham gia các dự án điện trong khu vực Asean;
- Tiếp tục tổ chức đào tạo và chuẩn bị nguồn nhân lực cho các nhà máy điện mới của PVN đưa vào vận hành. Xây dựng đội ngũ nhân lực vận hành chuyên



nghiệp, có năng lực thiết kế chuẩn bị cho công tác sửa chữa, sản xuất và kinh doanh phụ tùng thay thế;

- Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị điện. Thực hiện công tác đo lường, hiệu chỉnh thiết bị đo lường đạt chuẩn quốc tế được cấp giấy phép kiểm định dân tem thiết bị đo lường.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **1. Đánh giá chung**

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2016 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn;

##### **2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

###### **2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị**

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
  - + Doanh thu đạt: ~ 100 % kế hoạch được giao
  - + Lợi nhuận đạt: 102 % kế hoạch được giao
  - + Hệ số bảo toàn vốn: = 1
- Công tác đầu tư, mua sắm tuân thủ theo “Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đầu tư” do Hội đồng Quản trị ban hành;
- Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

###### **2.2. Về công tác quản lý điều hành**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020, Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;
- Thiết lập bộ máy chuẩn bị sản xuất tại Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- Triển khai thực hiện lộ trình nội địa hóa trong công tác sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện, tiến hành đàm phán với Nhà thầu OEM theo hướng rút gọn khối lượng thực hiện của Nhà thầu OEM, gia tăng phạm vi tự thực hiện của Công ty;
- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công,



phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;

### 3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chi đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với chủ trương của PV Power và PVN. Chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại PAIC;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng..

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

| ST T | Thành viên HĐQT    | Chức vụ trong HĐQT                                       | Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết | Chức danh tại Công ty khác   |
|------|--------------------|--|--------------------------------------|------------------------------|
| 1    | Ông Phan Ngọc Hiến | Chủ tịch HĐQT  | 15%                                  | Không                        |
| 2    | Bà Cao Thị Liên    | Thành viên HĐQT chuyên trách                             | 12%                                  | Không                        |
| 3    | Ông Phan Đại Thành | Thành viên HĐQT (Thôi thành viên HĐQT từ ngày 15/4/2016) | 12% đến ngày 15/4/2016               | Trưởng ban Kỹ thuật PV Power |



|   |                      |  |                         |   |
|---|----------------------|--|-------------------------|---|
| 4 | Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm GD Công ty                | 12%                     | Không   |
| 5 | Ông Phan Thế Hồng    | Thành viên HĐQT chuyên trách từ ngày 15/4/2016 | 12% từ ngày 15/4/2016   | Không   |
| 6 | Ông Ngô Kim Sơn      | Thành viên HĐQT                                | Thành viên HĐQT độc lập | Trưởng phòng Kinh doanh-Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long |

**b. Các tiêu ban Hội đồng Quản trị: Không có**

**c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

HDQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách đã thay mặt Hội đồng Quản trị tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị /Đại hội đồng Cổ đông, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/Hội đồng Quản trị kịp thời.

Trong năm 2016 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2016.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 15/4/2016.
- Xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2016.
- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà

máy điện kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2016.

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

Số lượng cuộc họp Hội đồng Quản trị: **08** cuộc họp

❖ **Cuộc họp ngày 25/3/2016**

**Nội dung:**

**1. Rà soát việc thực hiện Nghị quyết số 27/NQ/HĐQT-DVKT ngày 04/02/2016 tại cuộc họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) quý IV/2015, cụ thể:**

- Xây dựng Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị).
- Quy chế lương sửa đổi.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển của Công ty.
- Công tác đào tạo.
- Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị dự phòng cho 02 năm vận hành NMD Vũng Áng 1.
- Báo cáo công tác chuẩn bị sản xuất dự án NMD Thái Bình 2.
- Báo cáo công tác tham gia sửa chữa định kỳ các nhà máy điện Hủa Na, Đăkđrinh.
- Báo cáo tình hình công tác liên quan tới bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhơn Trạch 1&2, Cà Mau 1&2.
- Báo cáo công tác mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty.
- Báo cáo tình hình cải tạo văn phòng Chi nhánh Cà Mau.
- Báo cáo triển khai các chương trình hội thảo về công tác BDSC các NMD có sự tham gia của các Chi nhánh về các chủ đề: Điện, C&I, Cơ – Nhiệt.

**2. Nội dung họp HĐQT Quý I/2016:**

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2015 và kế hoạch công tác của Hội đồng Quản trị năm 2016.



- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) năm 2015 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2016.
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.
- Phạm vi công việc và sự phối hợp của PV Power Services với VPI và EIC trong quá trình tham gia phòng mòn các nhà máy điện của PV Power.
- Báo cáo của Ban Giám đốc về việc triển khai công tác Quản trị nhân sự (theo Quyết định thành lập số 50/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 08/3/2016).

- Các công việc tại nhà máy điện Vũng Áng 1:
  - Nhân sự của Chi nhánh Vũng Áng chuẩn bị cho nhà máy điện Thái Bình 2;
  - Công tác tiêu tu tại nhà máy, xưởng gia công phục hồi, trang thiết bị...
  - Công tác mua sắm CCDC và bảo hộ lao động trong năm 2016.
  - Báo cáo công tác chuẩn bị các tài liệu liên quan đến việc giới thiệu năng lực, kinh nghiệm thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tại Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn.

**Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:**

- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 như sau:
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016;
- Mức chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, BKS năm 2015 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2016;
- Thay đổi Thành viên Hội đồng Quản trị:
  - Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phan Đại Thành;
  - Bầu bổ sung ông Phan Thế Hồng, sinh ngày 10/9/1959, Kỹ sư điện, Cử nhân Chính trị, tham gia thành viên HĐQT với tư cách đại diện quản lý 18 tỷ đồng tương đương 12% vốn góp của PV Power tại PV Power Services.
  - Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán

❖ **Cuộc họp ngày 15/4/2016**

**Nội dung:**

Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Tĩnh.

**Kết quả: Hội đồng quản trị đã thông qua:**

- Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tạo, sinh ngày 11/3/1963 giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Tĩnh kiêm nhiệm Trưởng Ban chuẩn bị sản xuất dự án nhiệt điện Thái Bình 2

❖ Cuộc họp ngày 22/7/2016

**Nội dung:**

- Rà soát việc thực hiện Nghị quyết số 80/NQ/HĐQT-DVKT ngày 31/3/2016 tại cuộc họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) quý I/2016, cụ thể:
  - Xây dựng Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị).
  - Báo cáo về việc xây dựng Quy chế lương sửa đổi và việc triển khai công tác quản trị nhân sự.
  - Công tác đào tạo năm 2016 và kế hoạch năm 2017.
  - Báo cáo tình hình triển khai thực hiện hợp tác với Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR).
    - Mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty.
    - Báo cáo việc tham gia công tác sửa chữa định kỳ các NMD Hứa Na, Đăkđrinh.
    - Báo cáo công tác mua sắm CCDC và bảo hộ lao động trong năm 2016.
    - Báo cáo công tác chuẩn bị sản xuất dự án NMD Thái Bình 2.
    - Báo cáo về việc cải tạo văn phòng làm việc tại Chi nhánh Nhơn Trạch.
  - Rà soát việc thực hiện Thông báo kết luận số 152/TB-HĐQT-DVKT ngày 19/5/2016 tại cuộc họp rà soát tiến độ thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
    - Báo cáo công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 và chiến lược phát triển đến 2025, định hướng đến 2035 của Công ty.
    - Báo cáo việc chuyển đổi hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa NMD Cà Mau 1&2 và NMD Nhơn Trạch 2.
      - Khuyến cáo của PV Power Services về vật tư thay thế Tủ máy 1, Tủ máy 2 và việc sử dụng vật tư của Tủ máy 1 cho Tủ máy 2 NMD Vũng Áng 1.
      - Báo cáo đề án thành lập Trung tâm đào tạo của PV Power Services.
      - Báo cáo việc triển khai đầu tư xưởng gia công phục hồi, trang bị các máy cân bằng động và các thiết bị phục hồi con lăn đảm bảo hoàn thành tiến độ đầu tư trong năm 2016.
    - Rà soát việc thực hiện công văn số 154/CV-HĐQT-DVKT ngày 23/5/2016: Báo cáo việc lập phương án kinh doanh chi tiết và đánh giá thực hiện Hợp đồng kinh tế số 280404/LILAMA-PVPS-IBS.
    - Nội dung hợp HĐQT Quý I/2016:
      - Báo cáo công tác 06 tháng đầu năm và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2016 của Hội đồng Quản trị.



- Báo cáo sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2016.
- Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016.
- Phê duyệt chi phí hoạt động và lộ trình tuyển dụng nhân sự của văn phòng Công ty tại Thái Bình.
- Báo cáo công tác phòng mòn NMD Vũng Áng 1.
- Báo cáo công tác chuẩn bị nhân sự cho các dự án Thái Bình 2, Sông Hậu 1, Long Phú 1.

**Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:**

- Hội đồng Quản trị;
- Báo cáo Công tác 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016 của Hội đồng Quản trị;
  - Báo cáo sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2016;
  - Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016;
  - Phê duyệt chi phí hoạt động và lộ trình tuyển dụng nhân sự của Văn phòng Công ty tại Thái Bình.

❖ **Cuộc họp ngày 20/9/2016**

**Nội dung: Thông qua 1 số nội dung Ban Giám đốc trình HĐQT**

- Quy định về Tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Chương trình Bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty.
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.
- Thành lập bộ máy tổ chức và điều hành Quỹ phát triển khoa học.
- Chi phí hoạt động Văn phòng Thái Bình 2 năm 2017.

**Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:**

1. Quy chế quản trị nội bộ Công ty
2. Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty

❖ **Cuộc họp ngày 13/10/2016**

**Nội dung:**

**Rà soát việc thực hiện Nghị quyết số 222/NQ/HĐQT-DVKT ngày 27/7/2016 tại cuộc họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) quý II/2016, cụ thể:**

- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị);
- Báo cáo sửa đổi quy chế lương và việc triển khai công tác quản trị nhân sự;

- Báo cáo về công tác đào tạo năm 2016 và kế hoạch năm 2017.
- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện hợp tác với Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR).
  - Mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty.
  - Báo cáo công tác chuẩn bị sản xuất dự án Nhà máy điện Thái Bình 2.
  - Báo cáo việc tham gia công tác sửa chữa định kỳ các Nhà máy thủy điện Hòa Na, Đăkđrinh.
- Báo cáo công tác mua sắm CCDC và BHLĐ năm 2016.
- Rà soát sửa đổi chiến lược phát triển Công ty.
- Chuyển cáo của PV Power Services về vật tư thay thế Tổ máy 1, Tổ máy 2 và việc sử dụng vật tư của Tổ máy 1 cho Tổ máy 2 NMD Vũng Áng 1.
- Báo cáo đề án thành lập Trung tâm đào tạo của PV Power Services.
- Báo cáo việc lập Phương án kinh doanh chi tiết và đánh giá thực hiện Hợp đồng kinh tế số 280404/LIAMA-PVPS-IBS.
- Báo cáo công tác phòng mòn NMD Vũng Áng 1.
- Báo cáo tình hình cải tạo văn phòng làm việc tại Chi nhánh Nhơn Trạch.
- Chi phí hoạt động và lộ trình tuyển dụng nhân sự của Văn phòng Công ty tại Thái Bình.

#### **Nội dung hợp HDQT Quý III/2016**

- Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016.
  - Báo cáo công tác tiêu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Tổ máy 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1.
    - Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2017.
    - Báo cáo công tác hoàn thuế giai đoạn tháng 01/2015 đến tháng 4/2016.
    - Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2016-2020 và các năm tiếp theo.
    - Phương án tiếp quản và sử dụng khu nhà công vụ của Ban quản lý Vũng Áng – Quảng Trạch khi Tổng Công ty bàn giao.
    - Các công tác chuẩn bị cho các kỳ sửa chữa lớn tại Nhà máy điện Cà Mau, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Hòa Na vào năm 2017.
    - Báo cáo đánh giá việc thực hiện các kiến nghị theo kết luận của Đoàn Kiểm soát viên và Đoàn kiểm tra của Tổng Công ty.
- Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:**

**Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016;**

**Triển khai công tác truyền thông nhằm quảng bá thương hiệu PV Power Services.**

#### ❖ **Cuộc họp ngày 21/11/2016**



## Nội dung

Hợp thông qua một số nội dung của Ban Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê duyệt, cụ thể như sau:

- Quy định về Tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Quy chế Kinh doanh ngoài.
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.
- Kế hoạch SXKD giai đoạn 2016-2020, chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.
- Báo cáo đánh giá việc thực hiện các kiến nghị theo kết luận của các đoàn kiểm tra Công ty trong thời gian từ năm 2015-2016.

- Chi phí hoạt động Ban CBSX Thái Bình 2 năm 2017.

### 2. Triển khai một số công tác:

- Xây dựng Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT.
- Xây dựng bộ phận Pháp chế Công ty.
- Nghiên cứu xây dựng, ban hành Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng của Người đại diện của PV Power tại PV Power Services.

### Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung

- Quy định về Tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Quy chế Kinh doanh ngoài.
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

### ❖ Cuộc họp ngày 23/12/2016

#### Nội dung:

Thông qua chủ trương triển khai việc tham gia công tác “Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy nước Sông Hậu”

**Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua nội dung trên.**

#### *d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành*

- Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 được tổ chức ngày 7/9/2015 tại trụ sở PV Power Services, Đại hội đồng cổ đông đã bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Trần Thị Thu Trang – Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Viland và bầu Ông Ngô Kim Sơn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành;



- Trong năm 2015, Ông Ngô Kim Sơn đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT. Ông Sơn đã cùng với các thành viên HĐQT PV Power Services đưa ra các quyết sách để điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

❖ **Cuộc họp ngày 20/02/2017**

**Nội dung**

- Công tác đào tạo năm 2016.
  - Báo cáo công tác hoàn thuế giai đoạn tháng 01/2015 đến tháng 04/2016.
  - Báo cáo kế hoạch SXKD giai đoạn 2016 – 2020; chiến lược phát triển đến 2025, định hướng đến 2035.
  - Báo cáo công tác chuẩn bị nhân sự cho dự án NMD Sông Hậu 1, Long Phú 1.
  - Báo cáo việc cập nhật các chi tiêu (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình BDSC thực tế.
  - Một số nội dung chuẩn bị kế hoạch Đại hội cổ đông năm 2017.
- e. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị:** Không có
- f. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty Ông Phan Ngọc Hiền:** Thạc sĩ Tài chính – Kiểm soát

**4. Ban Kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên               | Chức danh trong BKS | Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|-------------------------|---------------------|---|
| 1   | Ông Lê Quốc Vinh        | Trưởng BKS          | 0%  |
| 2   | Ông Trần Thắng          | Kiểm soát viên      | 0%  |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào | Kiểm soát viên      | 0%  |

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (Luật Doanh nghiệp).
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (Luật Doanh nghiệp).



- Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.
- Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty, của Người đại diện Tổng Công ty tại doanh nghiệp.
- Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định nội bộ của HĐQT và của Ban Điều hành doanh nghiệp.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2016 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban Kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

### c. Các kỳ họp

- Kỳ họp định kỳ quý:
  - + Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động tại một vài Chi nhánh thuộc Công ty;
  - + Thẩm định báo cáo tài chính quý;
  - + Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
  - + Giám sát việc thực hiện quy chế, quy định nội bộ.
- Kỳ họp bán niên/cuối năm:
  - + Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động tại các Chi nhánh thuộc Công ty;
  - + Thẩm định báo cáo tài chính bán niên/cả năm;
  - + Đánh giá tình hình quản trị, cơ cấu tổ chức, lao động;
  - + Thẩm định Báo cáo của Hội đồng Quản trị, thẩm định Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty;

+ Giám sát việc thực hiện, xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra chức năng tại Công ty.

- Thực hiện kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

**d. Kết quả kiểm soát:**

- Đưa ra các kiến nghị điều chỉnh, xử lý các vấn đề không phù hợp trong công tác quản lý điều hành;
- Đề xuất áp dụng, vận dụng các văn bản pháp luật, cơ sở pháp lý đảm bảo điều chỉnh phù hợp với hoạt động thực tế tại Công ty;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

**5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

5.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý:

| ST T | Họ và tên            | Chức vụ           | Hệ số lương |           | Đơn giá tiền lương |           | Hệ số phụ cấp CV | Ăn ca   |
|------|----------------------|-------------------|-------------|-----------|--------------------|-----------|------------------|---------|
|      |                      |                   | Cơ bản      | Chức danh | Cơ bản             | Chức danh |                  |         |
| 1    | Ô. Phan Ngọc Hiền    | Chủ tịch HĐQT     | 6.97        | 33        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 2    | B. Cao Thị Liên      | Thành viên HĐQT   | 6.31        | 32        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 3    | Ô. Phan Thế Hồng     | Thành viên HĐQT   | 5.98        | 26        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 4    | Ô. Lê Quốc Vinh      | Trưởng BKS        | 5.98        | 24        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 5    | Ô. Nguyễn M. Tuấn    | Giám đốc          | 6.64        | 33        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 6    | Ô. Bùi Duy Nhi       | P. Giám đốc       | 6.31        | 29        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 7    | Ô. Võ Khánh          | P. Giám đốc       | 5.98        | 29        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 8    | Ô. Mã Ngọc Kỳ        | P. Giám đốc       | 6.31        | 32        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 9    | Ô. Vũ Quang Dũng     | P. Giám đốc       | 6.31        | 29        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 10   | Ô. Đinh Q. Hưng      | P. Giám đốc       | 5.98        | 26        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 11   | Ô. Lê Đình Thái      | Kế toán trưởng    | 5.65        | 21        | 1,150,000          | 1,000,000 |                  | 680,000 |
| 12   | Ô. Nguyễn D. Long    | Q. Trưởng p.TH    | 3.27        | 16        | 1,150,000          | 1,000,000 | 0.40             | 680,000 |
| 13   | B. Đặng V. Thủy      | Trưởng p. KTKH    | 3.27        | 18        | 1,150,000          | 1,000,000 | 0.50             | 680,000 |
| 14   | B. Trần Thái Trang   | Q. Trưởng p.TM    | 2.96        | 15        | 1,150,000          | 1,000,000 | 0.40             | 680,000 |
| 15   | Ô. Phạm Phi Hồ       | Trưởng p. Ktnuật  | 4.00        | 16        | 1,150,000          | 1,000,000 | 0.50             | 680,000 |
| 16   | Ô. Nguyễn Thế Nghiêm | Q. Trưởng p. ATMT | 4.20        | 15        | 1,150,000          | 1,000,000 | 0.40             | 680,000 |



Mức chi trả thực tế được đánh giá trên mức độ hoàn thành công việc theo từng bộ phận quản lý, theo đó:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mức A1 (tốt): hệ số 1,5.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ mức A2 (hoàn thành): hệ số 1,3.
- + Hoàn thành nhiệm vụ mức A3: hệ số 1,0.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ mức A4: hệ số 0,7.

5.1.2. Thu lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên               | Chức vụ         | Thu lao/ tháng |
|-----|-------------------------|-----------------|----------------|
| 1   | Ông Phan Đại Thành      | Thành viên HĐQT | 3.000.000      |
| 2   | Ông Ngô Kim Sơn         | Thành viên HĐQT | 3.000.000      |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào | Thành viên BKS  | 2.000.000      |
| 4   | Ông Trần Thắng          | Thành viên BKS  | 2.000.000      |

5.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có.

5.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có.

5.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
- Ý kiến kiểm toán độc lập



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex,  
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,  
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +844 6288 3568  
Fax : +844 6288 5578  
www.deloitte.com/vn

Số: **5/13** /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Dầu Khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 09 và Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.487 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Theo xác định của Công ty, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp vật tư, thiết bị.

Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tư thực hiện, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh, thực chi mà Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyễn**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 3 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 2737-2013-001-1

A blue ink signature of Vũ Mạnh Hùng.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM** **MẪU SỐ B 01-DN**  
 Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Nam Từ Liêm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>3.034.923.526.864</b> | <b>3.385.697.513.902</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>45.481.412.499</b>    | <b>284.597.471.153</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 8.481.412.499            | 244.597.471.153          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 37.000.000.000           | 40.000.000.000           |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>426.322.813.267</b>   | <b>467.475.894.713</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 319.836.541.431          | 369.919.676.679          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 96.608.811.331           | 7.135.693.239            |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 9.877.460.505            | 90.420.524.795           |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> | <b>9</b>    | <b>2.499.166.669.333</b> | <b>2.539.486.328.900</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 2.499.166.669.333        | 2.539.486.328.900        |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |             | <b>63.952.631.765</b>    | <b>94.137.819.136</b>    |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        | 10          | 63.952.631.765           | 92.669.761.560           |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 16          | -                        | 1.468.057.576            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>78.036.321.277</b>    | <b>57.795.753.148</b>    |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>32.860.000</b>        | <b>215.860.000</b>       |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 8           | 32.860.000               | 215.860.000              |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>40.344.456.149</b>    | <b>21.902.588.392</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 11          | 40.285.536.794           | 21.804.669.037           |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 67.890.716.126           | 41.711.054.906           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (27.605.179.332)         | (19.906.385.869)         |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        |             | 58.919.355               | 97.919.355               |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 348.117.750              | 348.117.750              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (289.198.395)            | (250.198.395)            |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |             | <b>200.519.442</b>       | <b>200.519.442</b>       |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |             | 200.519.442              | 200.519.442              |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> | <b>12</b>   | <b>5.040.000.000</b>     | <b>4.876.952.021</b>     |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 5.040.000.000            | 5.040.000.000            |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |             | -                        | (163.047.979)            |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>32.418.485.686</b>    | <b>30.599.833.293</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 13          | 32.418.485.686           | 30.599.833.293           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |             | <b>3.112.959.848.141</b> | <b>3.443.493.267.050</b> |



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>2.919.493.623.610</b> | <b>3.249.778.286.816</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>2.916.993.623.610</b> | <b>3.247.278.286.816</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 14          | 2.520.885.312.876        | 2.984.562.926.679        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 15          | 208.611.636.923          | 145.388.567.654          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 16          | 3.735.070.732            | 5.907.569.024            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 31.043.714.860           | 30.915.018.591           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 17          | 146.793.814.610          | 2.951.316.799            |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 18          | 4.582.678.245            | 5.923.179.371            |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 19          | -                        | 69.628.648.065           |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 1.341.395.364            | 2.001.060.633            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>2.500.000.000</b>     | <b>2.500.000.000</b>     |
| 1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 343        |             | 2.500.000.000            | 2.500.000.000            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>193.466.224.531</b>   | <b>193.714.980.234</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>20</b>   | <b>193.466.224.531</b>   | <b>193.714.980.234</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 150.000.000.000          | 150.000.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 150.000.000.000          | 150.000.000.000          |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 15.303.102.810           | 15.303.102.810           |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 28.163.121.721           | 28.411.877.424           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 2.449.852.238            | 3.553.909.060            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 25.713.269.483           | 24.857.968.364           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>3.112.959.848.141</b> | <b>3.443.493.267.050</b> |





Nguyễn Thị Mai Hoa  
 Người lập biểu

Lê Đình Thái  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                          | <b>01</b> | <b>22</b>   | <b>1.257.391.257,087</b> | <b>1.279.450.306,053</b> |
| 2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                   | 11        | 23          | 1.171.672.813,011        | 1.198.573.710,008        |
| <b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)</b>        | <b>20</b> |             | <b>85.718.444,076</b>    | <b>80.876.596,045</b>    |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 24          | 1.673.654,294            | 1.399.396,444            |
| 5. Chi phí tài chính  | 22        | 25          | 1.696,665,850            | 2.816,077,457            |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23        |             | 1.859,652,373            | 3.106,014,994            |
| 6. Chi phí bán hàng   | 25        |             | 1.733,000                | 16,900,818               |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        |             | 53,241,878,766           | 47,920,582,035           |
| <b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>32.451.820,754</b>    | <b>31.522.432,179</b>    |
| 9. Thu nhập khác  | 31        |             | 222,925,557              | 440,888,694              |
| 10. Chi phí khác  | 32        |             | 459,859,092              | 14,096,452               |
| <b>11. (Lãi)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                | <b>40</b> |             | <b>(236.933,535)</b>     | <b>426.792,242</b>       |
| <b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                   | <b>50</b> |             | <b>32.214.887,219</b>    | <b>31.949,224,421</b>    |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                          | 51        | 27          | 6,501,617,736            | 7,091,256,057            |
| <b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>            | <b>60</b> |             | <b>25.713,269,483</b>    | <b>24,857,968,364</b>    |
| <b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                       | <b>70</b> | <b>28</b>   | <b>1,543</b>             | <b>1,491</b>             |






Nguyễn Thị Mai Hoa  
 Người lập biểu

Lê Đình Thái  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước               |
|--|-----------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |           |                          |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>32.214.887.219</b>    | <b>31.949.224.421</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |                          |                         |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 7.737.793.463            | 5.365.562.057           |
| Các khoản dự phòng   | 03        | (163.047.979)            | (318.377.114)           |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư  | 05        | (807.369.286)            | (998.703.837)           |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 1.859.652.373            | 3.106.014.994           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                        | <b>08</b> | <b>40.841.915.790</b>    | <b>39.103.720.521</b>   |
| Thay đổi các khoản phải thu  | 09        | 71.521.268.817           | (127.052.451.539)       |
| Thay đổi hàng tồn kho  | 10        | 40.319.659.567           | 340.190.639.964         |
| Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | (261.849.921.725)        | (61.185.858.859)        |
| Thay đổi chi phí trả trước   | 12        | (1.818.652.393)          | (1.941.649.105)         |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (2.021.967.128)          | (2.943.700.239)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | (8.180.131.388)          | (6.663.029.620)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> | <b>(121.187.828.460)</b> | <b>179.507.671.123</b>  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |           |                          |                         |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                      | 21        | (26.066.099.520)         | (12.294.632.234)        |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        | 807.369.286              | 998.703.837             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(25.258.730.234)</b>  | <b>(11.295.928.397)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |                          |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33        | 55.607.816.936           | 121.521.374.974         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (125.236.465.001)        | (51.892.726.909)        |
| 3. Cổ tức đã trả cho cổ đông   | 36        | (23.040.851.895)         | (19.255.229.171)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>(92.669.499.960)</b>  | <b>50.373.418.894</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>                                     | <b>50</b> | <b>(239.116.058.654)</b> | <b>218.585.161.620</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>284.597.471.153</b>   | <b>66.012.309.533</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>  | <b>70</b> | <b>45.481.412.499</b>    | <b>284.597.471.153</b>  |

Nguyễn Thị Mai Hoa  
 Người lập biểu

Lê Đình Thái  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM MÃU SỐ B 09-DN**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUẢN**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "P/Power").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 606 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 572).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, nâng lượng tải tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thị công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Ngày 12 tháng 4 năm 2016, Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-HĐQT-DVKT giải thể chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hạch toán phụ thuộc để sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy tổ chức Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc, và giữa các đơn vị phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)**

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tức thời, hòng, kiểm phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                           | Số năm |
|---------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 6      |
| Máy móc, thiết bị         | 5 - 7  |
| Phương tiện vận tải       | 5 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 7  |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

01 V 3/10



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm. Kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là “phần mềm”), được phân ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

|| | 01 | 1# | 3L | lệ | > | 2 | ||

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Quý phát triển khoa học và công nghệ**

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quý được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

12  
10  
01  
11  
11



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>      |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                 | <b>VND</b>            | <b>VND</b>             |
| Tiền mặt                        | 990.421.941           | 314.190.630            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.490.990.558         | 244.283.280.523        |
| Các khoản tương đương tiền (1)  | 37.000.000.000        | 40.000.000.000         |
|                                 | <b>45.481.412.499</b> | <b>284.597.471.153</b> |

(1) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG**

|   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|------------------------|------------------------|
|   | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>a) Phải thu các bên liên quan</b>          |                        |                        |
| Công ty Điện lực Dầu Khí Cà Mau               | 171.563.635.037        | 219.376.738.444        |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh              | 50.409.389.625         | 76.760.198.434         |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 51.658.974.760         | 38.809.164.052         |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | -                      | 25.964.040.061         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 2.323.383.710          | 4.981.046.774          |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh            | -                      | 50.954.444             |
| <b>b) Phải thu khách hàng khác</b>            |                        |                        |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam                 | 40.933.755.217         | 2.298.716.597          |
| Các khách hàng khác                           | 2.947.403.082          | 1.678.817.873          |
|   | <b>319.836.541.431</b> | <b>369.919.676.679</b> |

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG**

|                                | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                | <b>VND</b>            | <b>VND</b>           |
| Ge Power Solutions (Malaysia)  | 96.055.220.331        | -                    |
| Sojitz Corporation             | -                     | 3.953.053.458        |
| Trust Maritime Service Pte Ltd | -                     | 3.110.639.781        |
| Các đối tượng khác             | 553.591.000           | 72.000.000           |
|                                | <b>96.608.811.331</b> | <b>7.135.693.239</b> |

10/ T M T J T



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**8. PHẢI THU KHÁC**

|   | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND     |
|---|----------------------|-----------------------|
| <b>a) Ngân hạn</b>                      |                      |                       |
| Phải thu Siemens Aktiengesellschaft (i) | -                    | 87.645.380.153        |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch     | 5.538.419.000        | -                     |
| Tạm ứng                                 | 3.829.267.226        | 2.182.056.562         |
| Cấm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn        | 147.447.875          | 147.447.875           |
| Phải thu ngắn hạn khác                  | 362.326.404          | 445.640.205           |
|   | <b>9.877.460.505</b> | <b>90.420.524.795</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                       |                      |                       |
| Cấm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn         | 32.860.000           | 215.860.000           |
|   | <b>32.860.000</b>    | <b>215.860.000</b>    |

(i) Phải thu Siemens Aktiengesellschaft tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Công ty đã nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 12 năm 2015, bao gồm: (1) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là 80.943.929.849 VND (theo Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hà Nội) và (2) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu ước tính từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là 6.701.450.304 VND. Trong năm 2016, số phải thu nêu trên đã được bù trừ với nợ phải trả Siemens.

**9. HÀNG TỒN KHO**

|  | Số cuối năm              |                 | Số đầu năm               |                 |
|--|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu (i)                    | 466.220.346.077          | -               | 485.697.780.509          | -               |
| Công cụ, dụng cụ                             | 7.859.655.374            | -               | -                        | -               |
| Chi phí sản xuất,<br>kinh doanh dở dang (ii) | 2.025.086.667.882        | -               | 2.053.788.548.391        | -               |
|  | <b>2.499.166.669.333</b> | <b>-</b>        | <b>2.539.486.328.900</b> | <b>-</b>        |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 465 tỷ VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemens Việt Nam) với số tiền khoảng 2.016 tỷ VND.

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

**10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

| Chi tiêu                                | Số đầu năm     |                | Phát sinh trong năm |                | Số khấu trừ |     | Số cuối năm |     |
|---|----------------|----------------|---------------------|----------------|-------------|-----|-------------|-----|
|   | VND            | VND            | VND                 | VND            | VND         | VND | VND         | VND |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*) | 92.669.761.560 | 67.498.109.495 | 96.215.239.290      | 63.952.631.765 |             |     |             |     |

(\*) Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã xác định số thuế giá trị gia tăng nhà thầu nước ngoài Công ty phải nộp thay nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft là 125.171.025.539 VND. Số thuế phải nộp này được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng Công ty được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 234.032.520.912 VND, đồng thời trong tháng 9 năm 2015, Công ty đã kê khai khấu trừ số thuế giá trị gia tăng nộp thay nhà thầu nước ngoài nêu trên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2016, Công ty đã trình Cục thuế Hà Nội hồ sơ đề nghị hoàn 89.047.663.751 VND tiền thuế giá trị gia tăng cho kỳ hoàn thuế từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016. Ngày 14 tháng 10 năm 2016, Cục thuế Hà Nội đã lập biên bản kiểm tra trước hoàn thuế giá trị gia tăng, theo đó số thuế Công ty sẽ được hoàn trả là 88.393.900.759 VND, đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa được hoàn trả số thuế giá trị gia tăng nêu trên.

**11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| NGUỒN GIÁ                      | Nhà cửa, vật kiến trúc |                | Máy móc, thiết bị |                | Phương tiện vận tải |     | Thiết bị, dụng cụ quản lý |     | Công cụ |
|--------------------------------|------------------------|----------------|-------------------|----------------|---------------------|-----|---------------------------|-----|---------|
|                                | VND                    | VND            | VND               | VND            | VND                 | VND | VND                       | VND |         |
| Số dư đầu năm                  | 309.000.000            | 19.259.366.076 | 13.160.779.637    | 8.981.909.193  | 41.711.054.906      |     |                           |     |         |
| Mua sắm mới                    | 331.000.000            | 8.753.959.000  | 5.533.967.272     | 11.560.734.948 | 26.179.661.220      |     |                           |     |         |
| Số dư cuối năm                 | 640.000.000            | 28.013.325.076 | 18.694.746.909    | 20.542.644.141 | 67.890.716.126      |     |                           |     |         |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LƯỚI KẾ</b> |                        |                |                   |                |                     |     |                           |     |         |
| Số dư đầu năm                  | 78.313.397             | 7.043.489.648  | 6.090.251.012     | 6.694.331.812  | 19.906.385.889      |     |                           |     |         |
| Tích khấu hao trong năm        | 82.267.573             | 3.405.084.669  | 1.955.586.299     | 2.254.854.962  | 7.598.793.463       |     |                           |     |         |
| Số dư cuối năm                 | 160.580.970            | 10.448.574.317 | 8.046.837.271     | 8.949.186.774  | 27.505.179.332      |     |                           |     |         |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>         |                        |                |                   |                |                     |     |                           |     |         |
| Tại ngày cuối năm              | 479.419.030            | 17.564.750.759 | 10.647.909.638    | 11.593.457.367 | 40.285.536.794      |     |                           |     |         |
| Tại ngày đầu năm               | 230.686.603            | 12.215.876.428 | 7.070.528.625     | 2.287.577.381  | 21.804.669.037      |     |                           |     |         |

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị là 8.595.500.687 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.752.441.455 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                 | Số cuối năm   |          | Số đầu năm    |               |
|---------------------------------|---------------|----------|---------------|---------------|
|                                 | Giá gốc       | Dự phòng | Giá gốc       | Dự phòng      |
|                                 | VND           | VND      | VND           | VND           |
| Công ty Cổ phần Công nghệ       |               |          |               |               |
| Thăng tin Viễn thông và Tự động | 5.040.000.000 | -        | 5.040.000.000 | (163.047.979) |
| hóa Đầu khí (PAIC)              |               |          |               | 4.876.952.021 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá việc lập dự phòng cho khoản đầu tư này, do tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu thấp hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nên Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư đã trích lập năm trước.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                                    | Số cuối năm                        |                                | Số đầu năm                         |                                |
|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|
|                                    | Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i) | Chi phí trả trước dài hạn khác | Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i) | Chi phí trả trước dài hạn khác |
|                                    | VND                                | VND                            | VND                                | VND                            |
| Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i) | 26.003.219.762                     |                                | 26.631.064.102                     |                                |
| Chi phí trả trước dài hạn khác     | 6.415.265.924                      |                                | 3.968.769.191                      |                                |
|                                    | <b>32.418.485.686</b>              |                                | <b>30.599.833.293</b>              |                                |

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN**

|  | Số cuối năm              |                          | Số đầu năm               |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|  | Giá trị                  | Năng trả nợ              | Giá trị                  | Năng trả nợ              |
|  | VND                      | VND                      | VND                      | VND                      |
| Siemens Aktiengesellschaft   | 2.485.012.443.931        | 2.485.012.443.931        | 2.921.069.814.193        | 2.921.069.814.193        |
| - Phải trả liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (i)              | 2.481.428.597.874        | 2.481.428.597.874        | 2.486.383.966.637        | 2.486.383.966.637        |
| - Phải trả liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện (ii) | 3.583.846.057            | 3.583.846.057            | 434.685.847.556          | 434.685.847.556          |
| Công ty TNHH Alstom Việt Nam   | -                        | -                        | 20.453.896.218           | 20.453.896.218           |
| Các nhà cung cấp khác  | 35.872.868.945           | 35.872.868.945           | 43.039.216.268           | 43.039.216.268           |
|  | <b>2.520.885.312.876</b> | <b>2.520.885.312.876</b> | <b>2.984.562.926.679</b> | <b>2.984.562.926.679</b> |

(i) Phần ảnh giá trị vật tư, thiết bị nhập từ Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2. Số dư nợ phải trả này và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

(ii) Phần ảnh giá trị dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa phải trả Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở số giờ EOH thực tế từng quý của các tuabin khí (bao gồm phí cố định, biến phí và trượt giá).





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN**

|   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm |     |
|---|------------------------|------------------------|------------|-----|
|   | VND                    | VND                    | VND        | VND |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 112.673.620.800        | 144.260.091.974        | -          | -   |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 95.642.191.891         | -                      | -          | -   |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 42.847.144             | 42.847.144             | -          | -   |
| Các khách hàng khác                           | 252.977.088            | 1.085.628.536          | -          | -   |
|   | <b>208.611.636.923</b> | <b>145.388.567.654</b> |            |     |

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| Chi tiêu   | Phát sinh trong năm  |                       |                       |                    |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
|  | Số đầu năm<br>VND    | Phát sinh tăng<br>VND | Phát sinh giảm<br>VND | Số cuối năm<br>VND |
| <b>a) Các khoản phải thu</b>                           |                      |                       |                       |                    |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra<br>(tại Văn phòng Hà Nội) | 1.468.057.576        | 26.984.112.269        | 28.452.169.845        | -                  |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.468.057.576</b> | <b>26.984.112.269</b> | <b>28.452.169.845</b> | <b>-</b>           |

| Chi tiêu | Phát sinh trong năm |                    |                  |                    |
|----------|---------------------|--------------------|------------------|--------------------|
|          | Số đầu năm<br>VND   | Số phải nộp<br>VND | Số đã nộp<br>VND | Số cuối năm<br>VND |

|                              |                      |                       |                       |                      |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>b) Các khoản phải nộp</b> |                      |                       |                       |                      |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 457.524.914          | 10.808.168.664        | 11.160.933.474        | 104.760.104          |
| - Thuế GTGT đầu ra           | 457.524.914          | 996.956.770           | 1.349.721.580         | 104.760.104          |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | 9.811.211.894         | 9.811.211.894         | -                    |
| Thuế nhập khẩu               | -                    | 4.177.663.884         | 4.177.663.884         | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   | 4.734.368.388        | 6.546.559.616         | 8.180.131.388         | 3.100.796.616        |
| Thuế môn bài                 | -                    | 7.000.000             | 7.000.000             | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân        | 715.675.722          | 3.101.321.150         | 3.287.482.860         | 529.514.012          |
| Thuế khác                    | -                    | 34.861.826.680        | 34.861.826.680        | -                    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>5.907.569.024</b> | <b>59.502.539.994</b> | <b>61.675.036.286</b> | <b>3.735.070.732</b> |

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

|  | Số cuối năm            |                      | Số đầu năm |     |
|--|------------------------|----------------------|------------|-----|
|  | VND                    | VND                  | VND        | VND |
| Chi phí trích trước cho doanh thu nhà thầu phụ (i)   | 142.367.113.453        | -                    | -          | -   |
| Chi phí trích trước cho dịch vụ đo Công ty thực hiện | 309.576.148            | 665.745.269          | -          | -   |
| Chi phí phải trả khác                                | 4.117.125.009          | 2.285.571.530        | -          | -   |
|  | <b>146.793.814.610</b> | <b>2.951.316.799</b> |            |     |

(i) Phần ảnh chi phí phải trả nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đã thực hiện trong Quý 4 năm 2016 tại Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**18. PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC**

|                         | Số cuối năm          |                      | Số đầu năm |     |
|-------------------------|----------------------|----------------------|------------|-----|
|                         | VND                  | VND                  | VND        | VND |
| Cổ tức phải trả         | 2.117.098.803        | 1.945.162.499        |            |     |
| Phải trả ngân hàng khác | 2.465.579.442        | 3.978.016.872        |            |     |
|                         | <b>4.582.678.245</b> | <b>5.923.179.371</b> |            |     |

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

| Chi tiêu                              | Số đầu năm            |                           | Phát sinh trong năm   |                        | Số cuối năm |                           |
|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-------------|---------------------------|
|                                       | Giá trị VND           | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND              | Giảm VND               | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (i) | 60.886.450.939        | 60.886.450.939            | 36.078.534.230        | 96.964.985.169         | -           | -                         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)  | 8.742.197.126         | 8.742.197.126             | 19.529.282.706        | 28.271.479.832         | -           | -                         |
|                                       | <b>69.628.648.065</b> | <b>69.628.648.065</b>     | <b>55.607.816.936</b> | <b>125.236.465.001</b> | <b>-</b>    | <b>-</b>                  |

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Phụ lục số MMD2015-57/HDCTD/PL01 ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng cấp tín dụng số MMD2015-57/HDCTD ngày 19 tháng 5 năm 2015 giữa Công ty và Techcombank. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 180.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,7%/năm tùy thuộc vào từng khe ước nhận nợ. Trong năm 2016, Công ty đã tất toán khoản vay này.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 184/H/DHM-PN/SHB.110100 ngày 07 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty và SHB. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 300.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm. Trong năm 2016, Công ty đã tất toán khoản vay này.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|                           | Số đầu năm trước       |                       | Số cuối năm           |                        |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
|                           | VND                    | VND                   | VND                   | VND                    |
| Lợi nhuận trong năm       | -                      | 24.857.968.364        | -                     | 24.857.968.364         |
| Chia cổ tức năm 2014      | -                      | (9.459.450.000)       | -                     | (9.459.450.000)        |
| Phân phối lợi nhuận       | -                      | 2.445.353.022         | (5.140.706.044)       | (2.695.353.022)        |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>  | <b>150.000.000.000</b> | <b>12.857.749.788</b> | <b>18.154.065.104</b> | <b>181.011.814.892</b> |
| Lợi nhuận trong năm       | -                      | 25.713.269.483        | -                     | 25.713.269.483         |
| Chia cổ tức năm 2015      | -                      | (23.431.286.470)      | -                     | (23.431.286.470)       |
| Phân phối lợi nhuận (i)   | -                      | (2.485.796.836)       | -                     | (2.485.796.836)        |
| Giảm khác                 | -                      | (44.941.880)          | -                     | (44.941.880)           |
| <b>Số dư cuối năm nay</b> | <b>150.000.000.000</b> | <b>15.303.102.810</b> | <b>28.163.121.721</b> | <b>193.466.224.531</b> |





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết số 121/NQ/ĐHCD-DKVT ngày 15 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2015 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 1.242.898.418 VND;
- Trích quỹ phúc lợi: 1.242.898.418 VND;
- Chia cổ tức: 23.431.286.470 VND.

| <b>Cổ phiếu</b>                          | <b>Số cuối năm</b> |  | <b>Số đầu năm</b> |  |
|--|--------------------|--|-------------------|--|
|  | <b>Cổ phiếu</b>    |  | <b>Cổ phiếu</b>   |  |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.000.000         |  | 15.000.000        |  |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | 15.000.000         |  | 15.000.000        |  |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ                  |                    |  |                   |  |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 15.000.000         |  | 15.000.000        |  |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | 15.000.000         |  | 15.000.000        |  |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

|  | <b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b> |            | <b>Vốn đã góp</b>      |                        |
|--|--|------------|------------------------|------------------------|
|  | <b>VND</b>                                     | <b>%</b>   | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | 76.500.000.000                                 | 51         | 76.500.000.000         | 76.500.000.000         |
| TYTL Power-Service Sdn. Bhd.           | 27.000.000.000                                 | 18         | 27.000.000.000         | 27.000.000.000         |
| Cổ đông khác                           | 46.500.000.000                                 | 31         | 46.500.000.000         | 46.500.000.000         |
|  | <b>150.000.000.000</b>                         | <b>100</b> | <b>150.000.000.000</b> | <b>150.000.000.000</b> |

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÁN**

| <b>Ngoại tệ các loại</b> | <b>Số cuối năm</b> |  | <b>Số đầu năm</b> |  |
|--------------------------|--------------------|--|-------------------|--|
| Dó la Mỹ (USD)           | 374,75             |  | 429,75            |  |
| Euro (EUR)               | 1.221,73           |  | 4.901,39          |  |

150 000 000 000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|   | <u>Năm nay</u><br>VND    | <u>Năm trước</u><br>VND  |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <b>a) Doanh thu</b>                       |                          |                          |
| Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM (i) | 891.326.711.159          | 942.315.254.058          |
| Doanh thu hàng thực thanh thực chi        | 5.188.231.615            | 12.114.487.206           |
| Doanh thu Công ty tự thực hiện            | 360.876.314.313          | 325.020.564.789          |
|   | <b>1.257.391.257.087</b> | <b>1.279.450.306.053</b> |

**Trong đó:**

**b) Doanh thu đổi với các bên liên quan**

|   |                          |                          |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau               | 706.900.257.459          | 700.764.948.846          |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 282.317.453.755          | 341.324.572.554          |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh              | 120.090.825.503          | 82.293.684.300           |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 23.282.824.768           | 52.548.714.180           |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 3.053.842.561            | 10.176.953.307           |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Dakrinh             | -                        | 926.444.436              |
|   | <b>1.135.645.204.046</b> | <b>1.188.035.317.623</b> |

(i) Đổi với các dịch vụ và hàng hóa này, Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện.

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                       | <u>Năm nay</u><br>VND | <u>Năm trước</u><br>VND |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
| Lãi tiền gửi          | 807.369.286           | 998.703.837             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 866.285.008           | 400.692.607             |
|                       | <b>1.673.654.294</b>  | <b>1.399.396.444</b>    |

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | <u>Năm nay</u><br>VND | <u>Năm trước</u><br>VND |
|--|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí lãi vay                                | 1.859.652.373         | 3.106.014.994           |
| (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (163.047.979)         | (318.377.114)           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                           | 61.456                | 28.439.577              |
|  | <b>1.696.665.850</b>  | <b>2.816.077.457</b>    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | Năm nay                  | Năm trước              |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------|
|                                  | VND                      | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 93.624.726.301           | 432.522.451.830        |
| Chi phí nhân công                | 143.067.337.084          | 147.133.822.153        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.737.793.463            | 5.365.562.057          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 911.060.125.318          | 211.742.554.536        |
| Chi phí bằng tiền khác           | 40.724.562.102           | 44.500.871.554         |
|                                  | <b>1.196.214.544.268</b> | <b>841.265.262.130</b> |

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|   | Năm nay              | Năm trước            |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   |                      |                      |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                               | 6.469.617.351        | 6.978.203.138        |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 32.000.385           | 113.052.919          |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  | <b>6.501.617.736</b> | <b>7.091.256.057</b> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>32.214.887.219</b> | <b>31.949.224.421</b> |
| <b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>   |                       |                       |
| <i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>   | <i>(58.042.660)</i>   | <i>(387.419.919)</i>  |
| <i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế</i>  | <i>191.242.198</i>    | <i>157.300.669</i>    |
| <b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>  | <b>32.348.086.757</b> | <b>31.719.105.171</b> |
| Thuế suất thông thường   | 20%                   | 22%                   |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b> | <b>6.469.617.351</b>  | <b>6.978.203.138</b>  |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước                      | 32.000.385            | 113.052.919           |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                                  | <b>6.501.617.736</b>  | <b>7.091.256.057</b>  |

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

156  
 G M N  
 1 1

**28. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|   | Năm nay               | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|---|-----------------------|------------------------------|
| <b>Lợi nhuận trong năm (VND)</b>  | <b>25.713.269.483</b> | <b>24.857.968.364</b>        |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)  | (2.571.326.948)       | (2.485.796.836)              |
| <b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>                                   | <b>23.141.942.535</b> | <b>22.372.171.528</b>        |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu) | 15.000.000            | 15.000.000                   |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>  | <b>1.543</b>          | <b>1.491</b>                 |

(i) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 15 tháng 4 năm 2016. Đồng thời, Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 15 tháng 4 năm 2016. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày lại như sau:

|  | Số trình bày trên báo cáo năm trước | Số trình bày lại | Chênh lệch |
|--|-------------------------------------|------------------|------------|
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b> | <b>1.657</b>                        | <b>1.491</b>     | <b>166</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

| Bên liên quan  | Mối quan hệ     |
|--|-----------------|
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)         | Chủ sở hữu      |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)     | Chủ sở hữu      |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower) | Chủ sở hữu      |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)    | Chủ sở hữu      |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | Cùng chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na                         | Cùng chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Dakdrinh                       | Cùng chủ sở hữu |

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | Năm nay              |                      |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | Năm trước<br>VND     |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau                | 706.900.257.459      | 700.764.948.846      |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2  | 282.317.453.755      | 341.324.572.554      |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh               | 120.090.825.503      | 82.293.684.300       |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch            | 23.282.824.768       | 52.548.714.180       |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na               | 3.053.842.561        | 10.176.953.307       |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Dakdrinh             | -                    | 926.444.436          |
| <b>Trả cổ tức cho cổ đông</b>                  |                      |                      |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 11.857.500.000       | 9.845.550.000        |
| Các cổ đông khác                               | 11.401.850.166       | 9.409.679.171        |
| <b>Phí quản lý</b>                             |                      |                      |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 360.941.222          | 255.747.205          |
| <b>Phí quản lý nhà điều hành tại Cà Mau</b>    |                      |                      |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 117.470.946          | 333.125.000          |
| <b>Tiền điện, tiền thuê nhà tại Nhơn Trạch</b> |                      |                      |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 180.931.616          | 174.861.382          |
| <b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>               | <b>2.550.296.745</b> | <b>2.505.449.135</b> |



29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|---|--------------------|-------------------|
| <b>Phải thu khách hàng</b>                    |                    |                   |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau               | 171.563.635.037    | 219.376.738.444   |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh              | 50.409.389.625     | 76.760.198.434    |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 51.658.974.760     | 38.809.164.052    |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | -                  | 25.964.040.061    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 2.323.383.710      | 4.981.046.774     |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Dakdrinh            | -                  | 50.954.444        |
| <b>Phải thu khác</b>                          |                    |                   |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 5.538.419.000      | -                 |

Số cuối năm VND Số đầu năm VND

|   |                 |                 |
|---|-----------------|-----------------|
| <b>Phải trả nhà cung cấp</b>                  |                 |                 |
| Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch      | 28.443.671      | -               |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 67.088.178      | -               |
| <b>Cố tức phải trả</b>                        |                 |                 |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam        | 1.538.250.578   | 1.595.720.458   |
| Các cố đồng khác                              | 578.848.225     | 349.442.041     |
| <b>Người mua trả tiền trước</b>               |                 |                 |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 112.673.620.800 | 144.260.091.974 |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch           | 95.642.191.891  | -               |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na              | 42.847.144      | 42.847.144      |

Nguyễn Thị Mai Hoa  
Người lập biểu

Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2017

Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: [www.pvps.vn](http://www.pvps.vn)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Hiền